**TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**(COURSE SYLLABUS)**

**1. Tổng quát về học phần (General course information)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên học phần** | **Tiếng Việt: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**  **Tiếng Anh: INTERNSHIP IN INFORMATION TECHNOLOGY** | | | **Mã HP: 126000** |
| Số tín chỉ[[1]](#footnote-1) | 3 (0,0,3) | | | |
| Phân bổ thời gian | Lý thuyết/  Bài tập/Dự án | Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận | Tổng | Tự học |
| 0 | 0 | 0 | 150 |
| Thang điểm | 10 | | | |
| HP học tiên quyết |  | | | |
| HP học trước | Tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. | | | |
| HP song hành |  | | | |
| Loại học phần | ☐ Bắt buộc ⌧Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do | | | |
| Thuộc thành phần | Chuyên ngành | | | |

**2. Mô tả tóm tắt học phần (Course description)**

Môn học trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cho người học bao gồm: kiến thức phù hợp với định hướng nghề nghiệp của người học, các kỹ năng cần thiết giúp người học có thể làm việc trong môi trường làm việc quốc tế mang tính kỹ thuật với tác phong công nghiệp. Người học có hai hướng lựa chọn: định hướng thực tế ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu. Đối với định hướng ứng dụng: sinh viên tiếp xúc với các qui trình thực tế ở các doanh nghiệp CNTT trong và ngoài nước để thực hiện các dự án/đề tài của doanh nghiệp. Đối với định hướng nghiên cứu: Viện sẽ giao đề tài để sinh viên thực hiện theo các hướng nghiên cứu mới hoặc/và thực tế đang có ở các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objectives)**

*Học phần này trang bị cho sinh viên:*

* **CO1**: Tổng hợp kiến thức phù hợp với định hướng nghề nghiệp của sinh viên;
* **CO2:** Sử dụng các kỹ năng cá nhân cần thiết có thể làm việc trong môi trường làm việc quốc tế mang tính kỹ thuật;
* **CO3**: Tổ chức thành hệ thống về việc áp dụng tác phong công nghiệp đối với yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ.

**4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

*Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:*

* **CLO1**: Tổng hợp các nội dung mang tính mới liên quan đến đề tài được giao bằng cách áp dụng kiến thức chuyên ngành và các tài liệu tham khảo được viết bằng ngôn ngữ tiếng Anh.
* **CLO2**: Xác định vấn đề, nội dung của đề tài được giao thông qua sử dụng thông tin thu thập từ doanh nghiệp thực tập hoặc từ giảng viên hướng dẫn về bối cảnh nghề nghiệp tương ứng.
* **CLO3**: Đề xuất kế hoạch thực hiện và thực hiện báo cáo nội dung đúng tiến độ theo yêu cầu một cách chủ động, và bản kế hoạch áp dụng nội dung nghiên cứu cho một ứng dụng sẽ triển khai cụ thể trong dự án khởi nghiệp giả định trong tương lai.

**CLO4**: Thuyết trình và bảo vệ quan điểm một cách thuyết phục nội dung đã nghiên cứu, tổng hợp.

**Liên hệ giữa CĐR học phần (CLOs) và CĐR CTĐT (PLOs):**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO/ CLO** | **PLO1** | **PLO2** | | | | **PLO3** | | | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | | | **PLO7** | |
|  | PI2.1 | PI2.2 | PI2.3 | PI2.4 | PI3.1 | PI3.2 | PI3.3 |  |  | PI6.1 | PI6.2 | PI6.3 | PI7.1 | PI7.2 |
| **CLO1** |  |  | **M,A** |  | **M,A** |  |  |  |  |  | **M,A** |  |  |  |  |
| **CLO2** |  |  |  | **M,A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO3** |  |  |  |  |  |  |  | **M,A** |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **M,A** |  |  |

**5. Nhiệm vụ của sinh viên (Students duties)**

Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% số tiết của học phần;

Tự nghiên cứu các vấn đề được giao tại nhà.

Hoàn thành các bài đánh giá quá trình; kết thúc học phần.

**6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá (Assessment methods):**

Phương pháp kiểm tra đánh giá của HP đảm bảo người học đạt được CĐR mong đợi

| **Thành phần đánh giá[1]** | **Phương pháp/ Hình thức đánh giá[2]** | **CĐR HP (CLOs)**  **[3]** | **Tiêu chí đánh giá [4]** | **Trọng số (%)[5]** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá quá trình |  |  |  | 0 |
| Đánh giá Kết thúc học phần | Chấm nội dung quyển nộp | CLO1, CLO2, CLO3 | A5.4 | 80 |
|  | Báo cáo thuyết trình cá nhân | CLO4 | A5.5 | 20 |
| Tổng cộng |  |  |  | 100 |

**7. Kế hoạch giảng dạy và học tập (Teaching and learning plan/outline)**

| **Tuần / Chương** | **Nội dung** | **CLOs** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần 1-2** | Thiết lập bản kế hoạch thực hiện đề tài |  | Sinh viên đã được GVHD chấp nhận/ được phân công thực hiện bản kế hoạch dựa trên trao đổi với GVHD, đề xuất kế hoạch thực hiện, giảng viên hướng dẫn xét duyệt. |  |
| **Tuần 3-6** | Đọc tài liệu/thực hiện thực tập theo yêu cầu của công ty/ GVHD |  | Sv đọc tài liệu/ thực hiện báo cáo nội dung công việc của tuần thực hiện, tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc và điều chỉnh khối lượng công việc, đảm bảo thực hiện kịp tiến độ đề ra.  GVHD kiểm tra tiến độ thực hiện của sinh viên theo tuần. |  |
| **Tuần 7-8** | Tổng hợp các nội dung đã thực tập và viết báo cáo |  | Sinh viên thực hiện viết quyển báo cáo, gửi GVHD đọc duyệt nội dung, sinh viên sửa các nội dung cần thiết theo yêu cầu |  |
| **Tuần 8** | Hoàn chỉnh quyển báo cáo và thực hiện làm slide báo cáo | CLO1,CLO2, CLO3 | Sv gửi bản hoàn chỉnh và slide báo cáo cho GVHD, GVHD nộp lên Viện và theo thời gian quy định sau khi quét đạo văn. | A5.4 |
| **Tuần 9-10** | Sinh viên báo cáo theo lịch thông báo của Viện và quy định của Trường. | CLO4 | Nộp bản chỉnh sửa theo yêu cầu lên hệ thống lưu trữ file của trường. | A5.5 |

**8. Tài liệu học tập (Course materials)**

**8.1. Tài liệu chính (Main materials)**

Tùy thuộc vào từng đề tài cụ thể.

**8.2. Tài liệu tham khảo (References materials)**

Tùy thuộc vào từng đề tài cụ thể.

**9. Yêu cầu khác về học phần (Other course requirements and expectations)**

Đầu mỗi học kỳ, Viện CNTT và Điện, Điện tử sẽ ra thông báo kế hoạch đăng ký Thực tập tốt nghiệp trên website của Viện CNTT và Điện, Điện tử. Sinh thực hiện thực tập tốt nghiệp có thể thực hiện theo một trong hai hướng: đi thực tế tại doanh nghiệp hoặc thực tập nghiên cứu tại trường.

- **Đi thực tế tại doanh nghiệp**: Các bước sinh viên thực hiện để được nhận làm thực tập tại các doanh nghiệp:

- Chủ động liên hệ với doanh nghiệp mà mình muốn đăng ký thực tập, dựa vào danh sách các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn do Viện CNTT và Điện xét duyệt và công bố công khai.

- Liên hệ với một giảng viên trong Viện CNTT và Điện, Điện tử theo phân bổ từ Viện CNTT và Điện, giảng viên này sẽ đóng vai trò giảng viên hướng dẫn, sinh viên sẽ thực hiện báo cáo công việc thực tập tại doanh nghiệp trực tiếp với giảng viên hướng dẫn.

- **Nghiên cứu tại trường**: Các bước sinh viên thực hiện để được nhận làm thực tập tại trường GTVT HCM:

- Liên hệ với một giảng viên trong Viện CNTT và Điện, Điện tử theo phân bổ từ Viện CNTT và Điện, giảng viên này sẽ đóng vai trò giảng viên hướng dẫn, ra đề tài Thực tập tốt nghiệp, sinh viên sẽ thực hiện báo cáo công việc thực tập theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

**10. Biên soạn và cập nhật đề cương (write and revise course syllabus)**

- Ngày biên soạn lần đầu: 07.2024

- Ngày chỉnh sửa:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG ĐÀO TẠO** | **QUẢN LÝ CTĐT** | **GV LẬP ĐỀ CƯƠNG** |
|  |  |  |
|  | **TS. Lê Văn Quốc Anh** | **TS. Trần Thiên Thanh** |

**PHỤ LỤC**

***(Phụ lục của Đề cương chi tiết học phần)***

## Rubric A5.4: Đánh giá bài nộp báo cáo Tiểu luận/ Đồ án/ Bài tập lớn:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Tốt**  **100%** | **Khá**  **75%** | **Trung bình**  **50%** | **Kém**  **0%** | **Trọng số (%)** |
| **Sản phẩm** | |  |  |  |  |  |
| Hình thức trình bày | | Thể thức văn bản nhất quán, không lỗi chính tả | Vài sai sót nhỏ về thể thức, ít lỗi chính tả | Vài chỗ không nhất quán về thể thức, nhiều lỗi chính tả | Thể hiện sự cẩu thả về thể thức, lỗi chính tả nhiều | 10 |
| Cấu trúc | | Cân đối hợp lý | Khá cân đối, hợp lý | Tương đối cân đối, hợp lý | Không cân đối, thiếu hợp lý | 10 |
| Nội dung | Các thành phần nội dung | Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung tùy thuộc yêu cầu cụ thể của từng môn | | | | 40 |
| Lập luận | Hoàn toàn chặt chẽ, logic | Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ | Tương đối chặt chẽ, logic, có sai sót quan trọng | Không chặt chẽ, không logic | 20 |
| Kết luận | Phù hợp | Khá phù hợp | Tương đối phù hợp | Không phù hợp, thiết sót | 20 |

## Rubric A5.5: Đánh giá Thuyết trình và bảo vệ quan điểm (cá nhân/nhóm)

| **Tiêu chí** | **Tốt**  **100%** | **Khá**  **75%** | **Trung bình**  **50%** | **Kém**  **0%** | **Trọng số (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Phong phú hơn yêu cầu | Đầy đủ theo yêu cầu | Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu nhiều nội dung quan trọng | 10 |
| Chính xác khoa học | Khá chính xác khoa học, còn vài sai sót nhỏ | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng. | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng. | 20 |
| Cấu trúc và tính trực quan | Cấu trúc bài và slide rất hợp lý | Cấu trúc bài và slide khá hợp lý | Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lý | Cấu trúc bài và slide chưa hợp lý | 10 |
| Rất trực quan và thẩm mỹ | Khá trực quan và thẩm mỹ | Tương đối trực quan và thẩm mỹ | Ít/không trực quan và thẩm mỹ | 10 |
| Kỹ năng trình bày | Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục | Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục | Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng. | Trình bày không rõ ràng, người nghe không hiểu được các nội dung quan trọng. | 10 |
| Tương tác với người nghe | Nhóm tương tác tốt, bao quát. | Nhóm tương tác khá tốt, khá bao quát | Nhóm có tương tác nhưng chưa bao quát. | Nhóm không có tương tác/ rất ít. | 10 |
| Quản lý thời gian | Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. | Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt theo tình huống | Hoàn thành đúng thời gian không linh hoạt theo tình huống. | Quá giờ | 10 |
| Trả lời câu hỏi | Các câu hỏi đặt đúng đều được nhóm thảo luận và trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng | Trả lời đúng đa số câu hỏi đúng, và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được. | Trả lời đúng đa số câu hỏi, nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được. | Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng. | 10 |
| Sự phối hợp trong nhóm  (nếu có) | Nhóm phối hợp thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời. | Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng có vài chỗ chưa đồng bộ. | Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời. | Không thể hiện sự kết nối trong nhóm. | 10 |

1. [↑](#footnote-ref-1)